

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 và Điều 131
Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng
án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 199/2026/TB-TLVA ngày 27
tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người
tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phùng Đình C, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Số nhà A đường T, phường T,
thành phố Đà Nẵng.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số nhà A đường N, phường A,
thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N kết hôn với
nhau vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà
Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 25/7/2019) nay là UBND phường A,
thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được
pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông C và bà N về chung sống tại địa
chỉ: Số nhà A đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống
đến năm 2025 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan
điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến thường xuyên
xảy ra cãi vã, kể từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay thì vợ chồng ông C và bà N đã
tự động sống ly thân với nhau, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn
vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét
thấy, ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia
đình ông C và bà N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn
nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình
chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N xác nhận có 01 con
chung tên là Phùng Ngọc Tuệ N1, sinh ngày 11/01/2020. Ly hôn vợ chồng thống nhất
thoả thuận: Bà Phạm Thị N là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phùng
Ngọc Tuệ N1 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Phùng Đình C tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 05 năm 2026.

Ông C và bà N tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị N nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Phùng Ngọc Tuệ N1, sinh ngày 11/01/2020. Ông Phùng Đình C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 05 năm 2026.

Kể từ ngày bà Phạm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phùng Đình C không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông Phùng Đình C còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N xác nhận không có tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0002849 ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Phùng Đình C và bà Phạm Thị N đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- THADS khu vực 3;
- THADS.tp Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang